

ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)

Ngày 4/5/2012, Bộ trưởng Bộ NN-PTNT đã ban hành Chỉ thị số 1311/CT-BNN-TT về việc đẩy mạnh ứng dụng thực hành nông nghiệp tốt (GAP) trong sản xuất trồng trọt. Dưới đây là những nội dung cơ bản của Chỉ thị quan trọng này.

1. Kết quả bước đầu

Đến năm 2011 tổng diện tích cây trồng sản xuất theo VietGAP hoặc GAP khác đạt trên 75.000 ha. Cụ thể khoảng 15.000 ha rau, quả, chè, lúa gạo (VietGAP hoặc theo hướng VietGAP). Điển hình là trên 5.000 ha trong tổng số 15.000 ha thanh long của Bình Thuận được chứng nhận VietGAP, trong đó hơn 500 ha được doanh nghiệp Mỹ kiểm tra thực địa để thu mua và hơn 3.500 ha vải thiều của Bắc Giang theo hướng VietGAP được thương lái chọn mua với giá cao hơn.

Đặc biệt, trên 60.000 ha cà phê, ca cao được chứng nhận 4C, UTZ Certified và hơn 2.000 ha chè được chứng nhận Grain Forest do các công ty thu mua, chế biến, xuất khẩu hỗ trợ chứng nhận và mua với giá cao hơn sản phẩm không được chứng nhận. Ngoài ra, rau, quả có gần 500 ha được chứng nhận GlobalGAP và

hàng trăm héct ta được một số công ty bán lẻ hợp đồng với nông dân sản xuất theo GAP (MetroGAP,...) đồng thời bao tiêu sản phẩm.

Bên cạnh đó còn có các mô hình doanh nghiệp, cộng đồng nông dân sản xuất rau, quả, chè, lúa gạo theo tiêu chuẩn hữu cơ bước đầu được thị trường chấp nhận. Gần đây, áp dụng VietGAP trên các mô hình cánh đồng mẫu lớn ở đồng bằng sông Cửu Long đang mở ra triển vọng xây dựng thương hiệu gạo Việt Nam không chỉ chất lượng, còn bảo vệ môi trường, sức khỏe người lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

2. Khó khăn, hạn chế

Đi lên từ một nền sản xuất nhỏ lẻ, nên áp dụng GAP và đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP) là một quá trình khó khăn, lâu dài. Kết quả bước đầu nêu trên là đáng ghi nhận. Tuy nhiên, yếu tố hạn chế lớn nhất hiện nay đối với các mô hình áp dụng GAP là thị trường tiêu thụ. Do thị trường xuất khẩu không ổn định, trong khi thị trường trong nước chưa minh bạch giữa sản phẩm an toàn được chứng nhận và sản phẩm không rõ nguồn gốc, dẫn đến một số cơ sở đạt chứng nhận VietGAP hoặc GlobalGAP song bán sản phẩm an toàn

với giá như sản phẩm bình thường. Vì thế một số mô hình không tiếp tục duy trì chứng nhận, nông dân quay lại với cách sản xuất truyền thống như một số báo chí đưa tin gần đây.

Thực tế là có một bộ phận không nhỏ người tiêu dùng sẵn sàng trả giá cao hơn để mua được sản phẩm an toàn, nhất là rau, quả, chè; đồng thời một bộ phận nông dân đã vượt lên cách làm cũ đang sản xuất ra sản phẩm an toàn, có nguồn gốc; nhưng trong nhiều trường hợp họ lại chưa gặp nhau, đó là một nghịch lý cần tháo gỡ để việc áp dụng GAP trong sản xuất phát triển bền vững.

3. Định hướng áp dụng GAP và sản xuất sản phẩm an toàn

Đối với các nước phát triển, áp dụng GAP trở thành thói quen của nông dân, phổ biến trong sản xuất. Đối với nước ta, Luật an toàn thực phẩm có hiệu lực từ tháng 7/2011 đã quy định cần thiết lập khuôn khổ pháp lý và tổ chức thực hiện lộ trình bắt buộc áp dụng GAP trong quá trình sản xuất.

Trên cơ sở đó, để phù hợp điều kiện nước ta, cũng như từng địa phương và yêu cầu của thị trường, Chỉ thị đã nêu rõ định hướng áp dụng GAP với các cấp độ như sau:

a) Mức độ tối thiểu bắt buộc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật (QCKT) về điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất và đối với sản phẩm trong quá trình sản xuất. QCKT này được xây dựng trên cơ sở các chỉ tiêu cơ bản của VietGAP nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm và truy xuất

nguồn gốc (sản xuất an toàn theo hướng VietGAP). Người sản xuất có thể tự đánh giá hoặc thuê tổ chức chứng nhận để có căn cứ công bố sản phẩm an toàn nhằm hướng tới thị trường trong nước là chính theo Luật an toàn thực phẩm.

b) Mức độ cao khuyến khích áp dụng đầy đủ các chỉ tiêu của GAP (VietGAP, GlobalGAP, 4C, UTZ Certified, Rain Forest...) hoặc tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ và thuê tổ chức chứng nhận theo yêu cầu của hợp đồng tiêu thụ trong nước hoặc quốc tế.

Thay bằng việc phải phân tích từng lô sản phẩm về hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật, vi sinh vật gây hại, điều không thể thực hiện được trong thực tế do tốn kém kinh phí, mất thời gian, không phù hợp với sản phẩm tươi sống; chúng ta ban hành quy trình kỹ thuật, GAP, tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ với các hành động đúng mà nông dân phải tuân thủ trong quá trình sản xuất, sơ chế để sản phẩm an toàn.

4. Nội dung và biện pháp chỉ đạo áp dụng GAP

Chỉ thị khẳng định mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng áp dụng GAP trong sản xuất trồng trọt là tất yếu, vì an toàn thực phẩm trước mắt cũng như lâu dài là đòi hỏi của thị trường, của người tiêu dùng. Chỉ thị đã nêu rõ một số nội dung và biện pháp cần triển khai trong giai đoạn hiện nay là:

a) Cần tuyên truyền, tập huấn để cán bộ quản lý, người sản xuất hiểu biết về Luật an toàn thực phẩm, về quy chuẩn kỹ

thuật, GAP, nông nghiệp hữu cơ để từ đó lựa chọn cách tiếp cận phù hợp với từng địa phương, cũng như với quy định quản lý và yêu cầu của thị trường;

b) Các địa phương cần khẩn trương rà soát, phê duyệt quy hoạch các vùng sản xuất hàng hoá tập trung đủ điều kiện sản xuất an toàn, phù hợp với chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp và gắn với xây dựng cánh đồng mẫu lớn;

c) Các đơn vị thuộc Bộ phối hợp với các đơn vị liên quan khẩn trương xây dựng, trình ban hành QCKT về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, sơ chế và đối với 1 số sản phẩm có nguy cơ cao theo hướng nông dân dễ áp dụng; ban hành Thông tư hướng dẫn Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ áp dụng GAP trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản để Quyết định quan trọng này sớm đi vào cuộc sống.

d) Các cấp, ngành, địa phương, doanh nghiệp đặc biệt quan tâm tiêu thụ sản phẩm an toàn bằng cách tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm an toàn theo hợp đồng thông qua phương thức đối tác công tư (PPP) hay cánh đồng mẫu lớn gắn kết nông dân, doanh nghiệp trong chuỗi giá trị của sản phẩm an toàn.

Trước mắt, có thể nghiên cứu quy định bắt buộc một số khu vực của thị trường (siêu thị, nhà hàng, khách sạn, bếp ăn tập thể, cửa hàng bán lẻ; tổ chức, cá nhân chế biến, xuất khẩu...) phải tiêu thụ sản phẩm an toàn, có nguồn gốc; tiến tới

bắt buộc tất cả các đối tượng khác buôn bán, kinh doanh trên thị trường đều phải áp dụng.

Để có thị trường ổn định, người sản xuất cần kiên trì, nhất quán thực hiện GAP, liên kết lại để có sản phẩm quy mô đủ lớn, đa dạng về chủng loại, phải công bố với cơ quan nhà nước và thị trường về việc đảm bảo an toàn thực phẩm, chủ động tìm kiếm thị trường bằng cách trực tiếp đưa sản phẩm tới khách hàng hoặc hợp đồng liên kết với hệ thống bán lẻ hoặc các nhà máy chế biến.

Tỷ lệ người tiêu dùng muốn mua sản phẩm an toàn chắc chắn ngày càng tăng lên cùng với đời sống nhân dân được cải thiện, vì vậy nếu các nhà bán lẻ liên kết một cách có trách nhiệm với người sản xuất và chính quyền các cấp quan tâm hỗ trợ để vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay, khi thị trường trong nước còn chưa minh bạch thì hệ thống bán lẻ các sản phẩm an toàn, có nguồn gốc chắc chắn sẽ từng bước phát triển bền vững.

e) Các cơ quan quản lý các cấp, nhất là ở địa phương cần tăng cường thanh tra, kiểm tra, chỉ rõ cho người tiêu dùng những địa chỉ sản xuất kinh doanh sản phẩm an toàn, có nguồn gốc và người làm không đúng, sản phẩm không rõ nguồn gốc, không bảo đảm an toàn để người tiêu dùng biết và lựa chọn./

Ngọc Trung (T/h)

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA TẬP TRUNG GẮN VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, bảo đảm năng suất, chất lượng, hiệu quả gắn với chế biến và thị trường; xây dựng và phát triển thương hiệu, nâng sức cạnh tranh sản phẩm nông sản hàng hóa; nâng cao thu nhập của nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới, ngày 18/5/2012, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch số 995/KH-UBND về triển khai thực hiện Chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn xây dựng nông thôn mới năm 2012.

Để đạt được mục tiêu trên, UBND tỉnh đã đề ra chỉ tiêu chủ yếu phải đạt được trong năm 2012: Tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt từ 3 - 3,5%; tỷ

trọng giá trị sản xuất ngành trồng trọt chiếm 48%, tỷ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi chiếm 49%, tỷ trọng giá trị sản xuất ngành dịch vụ nông nghiệp chiếm 3% so với tổng giá trị sản xuất nông nghiệp; giá trị sản xuất bình quân/ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 55 triệu đồng; sản lượng lương thực có hạt 640 nghìn tấn, trong đó thóc 613 nghìn tấn; số tiêu chí hoàn thành thêm tính bình quân/xã của 40 xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn

Ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa

2011 - 2015 là
2 - 3 tiêu chí.

Theo đó, đối với từng loại cây con có mục tiêu cụ thể như: Cây vải phấn đầu toàn tỉnh có diện tích 35.000 ha, sản lượng vải quả toàn tỉnh đạt 200.000 tấn, trong đó vải sớm đạt 19.000 - 21.000 tấn, vải sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 26.000 - 27.000 tấn. Tập trung mở rộng diện tích sản xuất vải theo tiêu chuẩn VietGAP lên 6.500 ha tại 20 xã của huyện Lục Ngạn. Diện tích lúa chất lượng đạt 110 nghìn ha, sản lượng đạt 613.388 tấn, trong đó diện tích lúa chất lượng 12.000 ha, tập trung tại một số huyện trọng điểm như: Yên Dũng, Việt Yên, Lạng Giang, Lục Nam,... sản lượng khoảng 60.000 tấn. Diện tích rau chế biến, rau an toàn đạt 1.500 ha, sản lượng 33.000 tấn, tập trung ở các huyện Tân Yên, Lạng Giang, Lục Nam, Hiệp Hòa và thành phố Bắc Giang. Diện tích cây lạc đạt 12.000 ha, sản lượng 27.600 tấn, trong đó, lạc thâm canh cao có diện tích đạt 3.325 - 3.875 ha, sản lượng đạt 9.750 - 11.400 tấn. Tổng đàn lợn đạt

Thăm quan mô hình phát triển sản xuất tại xã nông thôn mới Tân Thịnh (Lạng Giang – Bắc Giang)

1.225.000 con, trong đó, tỷ lệ lợn nạc trên 50% đạt 43%; tỷ lệ chăn nuôi trang trại và an toàn sinh học đạt 9%. Tổng đàn gà đạt 15,05 - 15,6 triệu con, trong đó tỷ lệ chăn nuôi trang trại và an toàn sinh học đạt 18%. Diện tích nuôi thủy sản 12.010 ha, sản lượng đạt 25.000 tấn, trong đó, diện tích nuôi thủy sản thâm canh cao, năng suất 10 tấn/ha, diện tích nuôi bán thâm canh cao, năng suất 4 - 5 tấn/ha. Diện tích trồng rừng sản xuất đạt 3.500 - 4.500 ha, tỷ lệ diện tích rừng gỗ lớn đạt 20%; khai thác rừng trồng đạt 150.000 m³/năm./.

Kim Lan

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG TRONG NÔNG THÔN MỚI - MỘT BÀI TOÁN KHÓ

Chu Ly

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn nhằm xây dựng nông thôn phát triển bền vững, đồng thời định hình diện mạo cho nông thôn mới. Một trong những mấu chốt quyết định thành công của quá trình ấy là làm thế nào để sử dụng hiệu quả nguồn lao động nông thôn, tạo cơ hội để người lao động tiếp cận được thị trường và tìm việc làm ổn định, tăng thu nhập? Đây cũng chính là một trong những tiêu chí của đề án xây dựng nông thôn mới.

Xã Tiên Hưng được chọn là 1 trong 3 xã điểm trong đề án xây dựng nông thôn mới của huyện Lục Nam. Trong quá trình khảo sát, xây dựng đề án xã đã đạt 12/19 tiêu chí, như vậy chỉ còn 7 tiêu chí xã chưa đạt chuẩn, trong đó có tiêu chí về chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp. Đây là tiêu chí số 12 của Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, đối với các xã trung du miền núi phía Bắc thì tiêu chí này phải ở mức dưới 45%. Hiện nay xã Tiên Hưng có khoảng gần 70% là lao động nông nghiệp. Như vậy, lộ trình đến năm 2015, xã phải giảm ít nhất 25% số người làm nông nghiệp sang các ngành nghề khác. Đây quả là việc khá gấp rút, đòi hỏi địa phương phải vào cuộc nhanh

và quyết tâm cao.

Trong quá trình thực hiện xã Tiên Hưng đã gặp nhiều thuận lợi khi địa bàn xã có đường Quốc Lộ 31 và tỉnh lộ 293 chạy qua. Nhờ đó mà số hộ chuyển sang làm kinh doanh - dịch vụ dọc theo 2 tuyến đường này tăng cao. Bên cạnh đó, xung quanh xã có nhiều công ty, doanh nghiệp đóng trụ sở tại đây ví dụ như Công ty May Bắc Giang, Nhà máy nhựa Hoa Hưng... Dự định trong năm 2012, xã sẽ tổ chức các lớp tập huấn, học nghề cho bà con nhân dân và thanh niên, phấn đấu đến năm 2015 sẽ chuyển được 15% số lao động trong độ tuổi vào làm tại các khu công nghiệp, nhà máy. Bên cạnh đó, phương châm nhân rộng các nghề phụ, tiểu thủ công nghiệp cũng được địa phương quan tâm.

Thôn Chằm Mới I có 114 hộ dân thì có 80 hộ gia đình làm nông nghiệp. Tuy nhiên, số đất dành cho mục đích làm nông nghiệp không còn nhiều do tình trạng đô thị hóa diễn ra ngày càng nhanh. Thôn có nghề phụ truyền thống là nghề làm bún. Nhiều năm nay, các hộ gia đình trong thôn vẫn kết hợp làm nghề bún với trồng lúa. Tuy nhiên, dù là nghề phụ nhưng hiệu quả kinh tế thì cao hơn rất nhiều so với nghề

chính. Do vậy, thực hiện tiêu chí chuyển đổi cơ cấu lao động trong nông nghiệp, Ban lãnh đạo thôn Chằm Mới I chú trọng vào việc tạo điều kiện và khuyến khích bà con nhân dân làm quen với các nghề phụ. Gia đình anh Nguyễn Văn Thơ từ ngày chuyển sang làm bún, thu nhập của gia đình anh tăng nhanh đáng kể. Mỗi ngày anh sản xuất được gần 3 tạ bún, cho lãi xuất gần 300.000 đồng/ngày. Hay gia đình chị: Mã Thị Tuyết trước kia cũng làm ruộng, nhà có 4 nhân khẩu nhưng chỉ có hơn 2 sào ruộng nên năm nào cũng không đủ ăn. Cách đây mấy năm chị chuyển hẳn sang làm kinh doanh buôn bán vải may mặc, mỗi tháng cũng cho thu nhập 6 - 7 triệu đồng.

Hiện nay trong số 80 hộ làm nông nghiệp của thôn Chằm Mới I thì có đến hơn 70% số hộ có thêm nghề phụ hay kinh doanh buôn bán nhỏ. Còn lại đối với các hộ chuyên về sản xuất nông nghiệp, cùng với sự chỉ đạo của UBND xã, thôn Chằm Mới I đã tập trung hướng dẫn bà con chuyên canh sản xuất hàng hóa, mở các cánh đồng cho thu nhập cao. Ví dụ như cánh đồng trồng dưa hấu, trồng rau vụ đông... Nhờ vậy mà chỉ trong 2 năm trở lại đây, bình quân thu nhập đầu người của thôn đạt từ 18 - 20 triệu đồng/người/năm.

Không như xã Tiên Hưng có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc chuyển đổi

cơ cấu lao động, nhiều địa phương khác của huyện Lục Nam, tiêu chí này đang gặp nhiều khó khăn. Xã Đông Hưng cũng là địa phương được chọn làm xã điểm của huyện Lục Nam. Chính vì vậy, công tác chuyển dịch ngành nghề, cơ cấu lao động theo tiêu chí lao động nông nghiệp giảm chỉ còn 45% dân số đã được xã xác định là một trong những tiêu chí trọng tâm cần quyết liệt thực hiện. Tuy nhiên, với đặc thù của một xã miền núi, sản xuất nông nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng thì việc thực hiện tiêu chí này gặp rất nhiều khó khăn. Bởi hiện nay xã còn tới 85% số hộ làm nông nghiệp. Nếu chỉ trong thời gian hơn 3 năm tới để hoàn thành chỉ tiêu này thì quả là một thách thức lớn.

Thời gian qua, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã được Đảng bộ, chính quyền xã Đông Hưng quan tâm chỉ đạo. Trong năm 2011 và năm 2012, địa

phương tổ chức nhiều các lớp đào tạo nghề: Mộc, chăn nuôi thú y và xây dựng cho các học viên. Tuy nhiên, do xã có tới trên 50% là đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức của nhân dân còn nhiều hạn chế nên các lớp đào tạo nghề mở ra trên địa bàn đều được thực hiện theo phương pháp “cầm tay, chỉ việc” để người lao động dễ tiếp thu kiến thức. Thông qua các lớp đào tạo nghề và các chính sách hỗ trợ khác của Nhà nước, đã có nhiều lao động áp dụng hiệu quả vào sản xuất, nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi, góp phần tăng thu nhập cho gia đình. Tuy nhiên, đối với các lớp nghề phi nông nghiệp, tỷ lệ lao động có việc làm thấp, tay nghề của người lao động chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động tại địa phương.

Xã Đông Hưng hiện nay có 2 nghề phụ cơ bản đó là nghề mộc và nghề xây dựng. Chủ trương của xã đó là sẽ chuyển dịch một số lao động nông thôn sang nghề này. Tuy nhiên, bước đầu cũng đang gặp nhiều khó khăn. Xưởng mộc của gia đình anh Nguyễn Nam Dương ở thôn Quan I đã mở được vài năm nay, sản phẩm làm ra có đầu ra tiêu thụ, thu nhập ổn định nhưng cũng chỉ thu hút được 4 nhân công vào làm việc. Trong khi đó những nhân công này làm việc cũng không thường xuyên, vào vụ gặt lúa, hay thu hoạch vải thiếu họ thường nghỉ làm. Lý do vì nghề mộc là công việc vất vả, đòi hỏi tay nghề cao. Cơ sở sản xuất của anh cũng kiêm thêm cả việc đào tạo nghề cho học viên, nhưng cũng có rất ít người đăng ký học, bởi thời gian học nghề thường dài, mất khoảng hơn

1 năm.

Việc chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn ở xã Đông Hưng còn gặp khó khăn bởi trên địa bàn xã không có công ty, doanh nghiệp nào đóng trên địa bàn. Nếu muốn người lao động đi làm việc ở nơi khác thì phụ thuộc vào điều kiện gia đình, nhiều người lại không muốn đi, hay có muốn đi thì trình độ tay nghề của phần lớn lao động nông nghiệp thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu. Bên cạnh đó, thì khi tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm xuống dưới 45%, đạt tiêu chí này rồi thì sẽ gây ra những khó khăn trong sản xuất nông nghiệp. Bởi hiện nay việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất ở xã miền núi chưa nhiều, thậm chí có những thôn còn chưa có cơ giới hóa.

Thực tế ở xã Đông Hưng cũng cho thấy đây là thực trạng ở nhiều địa phương đang gặp phải trong khi xây dựng nông thôn mới, đối với tiêu chí chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp. Để thực hiện thành công tiêu chí này thì các địa phương cần đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, tư vấn dạy nghề, nâng cao nhận thức, trình độ tay nghề cho người lao động. Và đặc biệt, dạy nghề phải gắn với tạo việc làm và các học viên sau học nghề được tiếp cận với các nguồn vốn ưu đãi để mở rộng sản xuất... để người dân có thể tự lựa chọn các ngành nghề phù hợp với bản thân. Bên cạnh đó cũng cần đẩy mạnh việc cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp, để khi số hộ làm nông nghiệp giảm đi thì vẫn đáp ứng được yêu cầu sản xuất./.

XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở XÃ HƯƠNG MAI, HUYỆN VIỆT YÊN

Phúc Thiện

Thời gian qua, đến bất cứ vùng nông thôn nào của tỉnh Bắc Giang đều thấy không khí xây dựng nông thôn mới (NTM) đã đến từng thôn, bản, hộ gia đình. Tại 40 xã điểm xây dựng nông thôn mới trong tỉnh, bước đầu đã có sự chuyển biến nhanh cả về lực lượng và quy mô sản xuất, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội; nhất là sự chuyển biến về nhận thức và trách nhiệm của nhân dân đối với sự nghiệp xây dựng nông thôn mới được nâng cao, thể hiện bằng sự đồng tình ủng hộ, góp ngày công, kinh phí, đất đai. Đến nay, các xã điểm của tỉnh đã quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa tập trung, bố trí cây trồng có chất lượng hiệu quả cao, phù hợp điều kiện tự nhiên và lợi thế sẵn có, diện tích và năng suất các loại cây trồng đều cao, chất lượng tốt hơn. Tại các vùng sản xuất hàng hóa, thu nhập của nông dân cao hơn so những năm trước, trong đó đã hình thành vùng trồng lúa hàng hóa, trồng hoa, khoai tây... có thu nhập cao hơn từ hai đến ba lần.

Nếu như trước đây, ở xã Hương Mai, huyện Việt Yên, việc đi lại và mua bán của người dân gặp rất nhiều khó khăn, 100% đường giao thông nông thôn khi trời

nắng thì bụi, trời mưa thì lầy lội. Nhưng từ năm 2011, là một trong 6 xã điểm của huyện thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, bằng nguồn kinh phí của tỉnh, huyện hàng năm xã Hương Mai cũng đã huy động từ chương trình “Nhà nước và nhân dân cùng làm” ở trong dân được hàng trăm triệu đồng. Nhờ đó, giao thông nông thôn ở Hương Mai ngày càng phát triển, giao lưu hàng hóa giữa nông thôn được mở rộng, qua đó nâng cao mức sống cho người dân. Hơn 1 năm qua, 15/15 thôn của xã đã xây dựng được khoảng 35% đường bê tông, giúp người dân đi lại dễ dàng. Trong đó, số tiền người dân đóng góp khoảng 1 tỉ đồng. Để tiếp tục cứng hóa đường giao thông nông thôn, mới đây xã Hương Mai được UBND huyện Việt Yên hỗ trợ 25% giá trị công trình bằng vật tư UBND xã tiếp tục làm lễ khởi công trục đường liên thôn dài gần 4 km với tổng số vốn đầu tư hơn 4 tỉ đồng.

Từ các nguồn vốn trên phân bổ, xã Hương Mai đã tập trung xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi để tạo bước đột phá về sản xuất nông nghiệp và các công trình phúc lợi chung như: Công trình văn hóa, giáo dục, y tế, cơ sở vật chất...

Bên cạnh đó, các phong trào hiến đất, ngày công lao động diễn ra sôi nổi, rộng khắp ở địa phương. Như gia đình bà Nguyễn Thị Hồng ở thôn Đồng Ích đã phá tường bao để hiến 100 m² đất để làm đường mà cũng chỉ có một mong muốn con đường rộng và sạch đẹp hơn.

Với việc làm của gia đình bà Hồng hiến đất là vậy, bà Đỗ Thị Thuộc cùng thôn cũng đã hiến toàn bộ diện tích đất vườn mà phần đường chạy qua, và không đòi hỏi một chút tiền đền bù nào.

Cùng với gia đình bà Hồng, bà Thuộc thì gia đình ông Vũ Đình Kim cùng thôn cũng đã hưởng ứng nhiệt tình về phong trào xây dựng NTM. Ông Kim còn phá bỏ toàn bộ số cây lâu năm chuẩn bị được thu hoạch để hiến đất cho thôn làm đường.

Để mọi người dân hưởng ứng tham gia vào xây dựng nông thôn mới, điều quan trọng là lãnh đạo thôn Đồng Ích đã biết vận dụng phát huy vai trò nòng cốt ở mỗi chi Hội như: Cựu chiến binh, người cao tuổi, phụ nữ, đoàn thanh niên... và mỗi cán bộ, đảng viên phải là đầu tàu trong các phong trào. Có như vậy mới tạo sự chuyển biến sâu sắc đến đại bộ phận người dân, để từ đó vận động nhân dân tham gia theo đúng tinh thần “dân biết, dân bàn, dân thực hiện” trong quá trình xây dựng NTM.

Cùng với thôn Đồng Ích thì các thôn ở trong toàn xã Hương Mai đang tích cực triển khai cứng hóa đường giao thông nông thôn, kênh mương nội đồng, văn hóa, giáo dục và nâng cao thu nhập. Đến

nay, toàn xã đã đạt được 12/19 tiêu trí theo quy định. Được kết quả như vậy, xã Hương Mai, huyện Việt Yên đã thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của mình, ở mỗi cán bộ, Đảng viên đến các cấp Hội, đoàn thể... để thực sự trở thành một trong những nguồn lực quyết định trong phong trào “chung tay xây dựng NTM”

Có thể nói, trên bước đường phát triển và phấn đấu hoàn thành chương trình xây dựng NTM, xã Hương Mai đã có nhiều cố gắng trong tất cả các lĩnh vực. Giai đoạn đầu của quá trình triển khai thực hiện tuy còn gặp nhiều khó khăn song Đảng bộ và nhân dân đang quyết tâm phấn đấu không ngừng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị xã hội cùng chung tay xây dựng NTM. Thực hiện chương trình xây dựng NTM, Hương Mai đã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát huy dân chủ ở cơ sở, gắn với cuộc vận động toàn dân đoàn kết ở khu dân cư, huy động sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân cùng chung tay tham gia xây dựng NTM. Với sự nỗ lực đó, Hương Mai sẽ sớm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tự tin khẳng định vị trí điểm của mình trong kế hoạch xây dựng NTM của huyện Việt Yên./.

XÂY DỰNG CÁNH ĐỒNG MẪU LỚN “CUỘC CÁCH MẠNG” TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA

Huyện Yên Dũng (Bắc Giang) đang triển khai xây dựng cánh đồng mẫu lớn sản xuất lúa ở xã Cảnh Thụy với quy mô 50 ha. Đây là cánh đồng mẫu đầu tiên trong tỉnh nhằm tạo ra một “cuộc cách mạng” trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới.

Hai địa phương được chọn xây dựng cánh đồng mẫu lớn chuyên canh lúa ở xã Cảnh Thụy và khoai tây tại xã Tư Mại với quy mô 50 ha/cánh đồng là nơi nông dân có kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp. Địa điểm chọn triển khai mô hình là 2 trong 5 xã điểm nằm trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới của huyện đã thực hiện việc dồn điền đổi thửa xong. Đây là mô hình sản xuất tập trung có sự liên kết chặt chẽ giữa 4 nhà: Nhà khoa học, nhà nước, nhà doanh nghiệp và nhà nông. Yêu cầu của mô hình cánh đồng mẫu lớn là điều kiện sản xuất phải trên diện tích liền vùng, liền thửa, áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật từ khâu giống, vật tư phân bón, kỹ thuật canh tác, cơ giới hóa sản xuất và công tác quản lý đồng ruộng nhằm tạo ra một chuỗi sản phẩm hợp lý, giảm chi phí đầu vào, bảo

vệ môi trường và tăng giá trị trên một đơn vị diện tích. Vốn đầu tư để thực hiện mô hình từ kinh phí xây dựng nông thôn mới của xã điểm và kinh phí xây dựng cánh đồng mẫu lớn của tỉnh. Theo đó, đối với cánh đồng trồng lúa nông dân sẽ được hỗ trợ 70% giá giống, 35% phân bón, 50% thuốc bảo vệ thực vật. Ngoài ra, còn được tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật (KHKT), hỗ trợ tiền công làm đất gieo mạ tập trung...

Những ngày này, tại thôn Tân Mỹ, xã Cảnh Thụy, nơi thực hiện mô hình cánh đồng mẫu lớn trồng lúa, người nông dân đang háo hức đón nhận cách làm mới với bao kỳ vọng, dự cảm tốt đẹp. Bà Nguyễn Thị Điệp, 72 tuổi cho biết: Trước đây chúng tôi cấy lúa đơn giản lắm, thu hoạch xong lúa chiêm thì cày đập, gieo mạ rồi cấy tiếp. Do hai vụ cấy liền nhau, giống không được chọn lọc kỹ, ruộng ít được “thau chua rửa mặn” nên lúa dễ bị nhiễm sâu bệnh, năng suất thấp, bây giờ được hướng dẫn làm theo quy trình sản xuất cẩn thận thế này thì chắc chắn sẽ cho kết quả tốt.

Sản xuất trên cánh đồng mẫu yêu cầu người nông dân phải thực hiện theo

quy trình nghiêm ngặt, thống nhất từ khâu làm đất, gieo mạ, xuống giống, điều tiết nước, phòng trừ sâu bệnh, ruộng được cấy cùng loại giống, cùng chế độ chăm sóc. Riêng giống lúa được chọn đưa vào trồng tại cánh đồng mẫu lớn vụ này là loại BC15, là giống lúa thuần có khả năng thích ứng rộng, năng suất cao, khả năng chống chịu sâu bệnh khá, đã được thử nghiệm qua vài vụ trên đồng đất Yên Dũng cho năng suất trung bình 63 tạ/ha. Ông Ong Khắc Vượng, Chủ tịch UBND xã Cảnh Thụy cho biết: Để xây dựng thành công cánh đồng mẫu lớn, ngay vụ đầu xã thành lập ban chỉ đạo do đồng chí Phó Chủ tịch UNND xã làm trưởng ban cùng với cán bộ khuyến nông, lãnh đạo thôn đề ra kế hoạch chi tiết, có lịch trình công tác từng ngày. Chính quyền xã tạo mọi điều kiện thuận lợi để nông dân triển khai sản xuất. Đặc biệt, dù chưa được hỗ trợ kinh phí song xã đã phối hợp với doanh nghiệp lấy đủ 2,1 tấn giống, 28 tấn phân bón các loại cung cấp cho nông dân bảo đảm thời vụ. Thời điểm này bà con nông dân đang ủ giống, gieo mạ để thu hoạch xong lúa chiêm xuân là gieo cấy được ngay...

Qua tiếp xúc một số người dân, chúng tôi được biết, dù mới đang giai đoạn đầu nhưng người nông dân thấy rõ cái được của cánh đồng mẫu lớn là sau khi thực hiện dồn điền đổi thửa, sản xuất tập trung ruộng đất không còn manh mún, đưa cơ giới hóa lớn vào khâu làm đất và chi phí sản xuất sẽ giảm một nửa so với trước. Hơn nữa, việc chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại lúa trên cánh đồng đại trà chỉ một loại giống sẽ rất dễ làm. Tuy nhiên,

đưa một quy trình mới vào trong khi tập quán canh tác tự do của người dân đã tồn tại từ lâu không phải không gặp những trở ngại. Ngay những khâu đầu tiên, dù đã có hai lớp tập huấn về cách làm đất, gieo mạ nhưng qua kiểm tra, cán bộ khuyến nông phát hiện có hộ khi thực hiện quá trình ngâm giống đã quá thời gian 10 tiếng, lý do chủ hộ đưa ra rất đơn giản chỉ vì “tối rồi để sáng mai làm một thể” Việc chấp hành nghiêm ngặt quy trình khiến sinh hoạt gia đình có lúc bị xáo trộn, nhiều người khó chịu vì chưa quen... Ông Nguyễn Khắc Phương, Trưởng thôn Tân Mỹ giải bày: Thôn tôi được chọn triển khai mô hình cánh đồng lớn là một vinh dự nhưng cũng là thách thức. Để thực hiện thành công mô hình, lãnh đạo thôn xác định đây là một nhiệm vụ quan trọng nên yêu cầu các đoàn thể cùng vào cuộc tuyên truyền vận động, sâu sát kiểm tra, xử lý vướng mắc. Đặc biệt, cán bộ chuyên môn của xã, lãnh đạo thôn ngày nào cũng có mặt trên đồng nắm thông tin kịp thời giúp đỡ bà con những vướng mắc trong quá trình thực hiện quy trình.

Xây dựng mô hình cánh đồng mẫu lớn về lúa và cây màu tạo bước đột phá trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa trên địa bàn huyện Yên Dũng và cả tỉnh. Hy vọng kết quả từ các mô hình này là kinh nghiệm quý để nhân rộng, góp phần vào thực hiện thành công Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới./.

Nguyễn Tươi

Nguồn Báo Bắc Giang

NGƯỜI SÁNG TẠO RA CHIẾC MÁY SÀNG ĐA NĂNG PHÂN LOẠI VẢI

Đức Thọ

Hơn chục năm công tác trên vùng đất vải thiều và nhiều năm tham gia sấy vải thiều khô mang đi tiêu thụ, anh Nguyễn Xuân Tình đã thấu hiểu nỗi vất vả và áp lực tiêu thụ quả vải của nông dân Lục Ngạn. Sau hàng tháng trời đằng đẵng nghiên cứu, anh Tình đã chế tạo thành công chiếc máy sàng đa năng phân loại quả vải. Máy được đưa vào sử dụng hiệu quả đã góp phần quan trọng giúp cho chủ lò sấy giảm chi phí sản xuất, nâng cao giá thành sản phẩm, đồng thời hỗ trợ nông dân tiêu thụ vải thiều thuận lợi hơn...

Nguyễn Xuân Tình (SN 1977), hiện đang là Phó Hiệu trưởng Trường tiểu học xã vùng cao Tân Sơn - Lục Ngạn. Sinh ra và lớn lên ở xã Tiên Lục - Lạng Giang nhưng sau khi tốt nghiệp sư phạm Sinh, khoá 18 - Trường Cao Đẳng sư phạm Bắc Giang, anh được phân về công tác ở huyện Lục Ngạn. Lập nghiệp trên vùng đất vải thiều, ngoài việc phấn đấu cho sự nghiệp sư phạm, anh Tình còn luôn trăn trở với bà con nông dân trong việc tìm đầu ra tiêu thụ cho quả vải. Vì thế tranh thủ những vụ nghỉ hè rảnh rỗi, hơn chục năm qua, anh đã tham gia thu mua vải thiều sấy khô để

mang đi tiêu thụ. Cũng nhờ trực tiếp tham gia sấy vải và tiêu thụ quả vải, anh Tình nhận thấy, thời gian thu hoạch quả vải thiều chỉ diễn ra trong vòng chưa đầy 2 tháng nên áp lực tiêu thụ rất lớn. Ngoài việc tiêu thụ vải thiều tươi – cân hàng hoa, thì kênh tiêu thụ vải thiều sấy khô cũng góp phần quan trọng điều tiết thị trường. Tuy nhiên trong khâu sấy vải khô, do phải đảo vải sấy trên lò nên tỷ lệ quả vải bị dập vỡ khá lớn (thường 50 kg vải sấy bị dập vỡ mất 1kg), chất lượng quả vải sấy không đồng đều và khi sấy xong, chủ lò phải thuê rất nhiều lao động trong việc phân loại quả, mới mang tiêu thụ được... Chính vì thế mà tổng chi phí cho hoạt động sấy vải thiều khô tăng lên, tạo áp lực tăng giá thành sản phẩm. Để khắc phục những hạn chế trên, từ vụ thu hoạch vải năm 2004, Nguyễn Xuân Tình đã bắt tay vào việc nghiên cứu chế tạo máy sàng đa năng phân loại quả vải. Ý tưởng đã có, nhưng công việc chế tạo máy đối với một giáo viên dạy môn sinh học thì không hề đơn giản. Mất nhiều đêm thức trắng nghiên cứu, rồi thuê thợ hàn về trực tiếp gia công từng công đoạn của máy ngay tại lò sấy trong suốt một vụ vải. Có lúc tưởng

Anh Nguyễn Xuân Tình giới thiệu về chiếc máy sàng đa năng phân loại vải

như đã thất bại, bởi quá trình chế tạo cứ rồ tung máy ra rồi lại hàn lại. Tốn kém tiền của đã đành nhưng có 5 – 6 thợ hàn nghĩ rằng chiếc máy không thể vận hành được đã bỏ cuộc, rồi cuối cùng máy sàng đa năng phân loại quả vải cũng được chế tạo thành công.

Máy gồm có ba phần: Phần 1 là khung máy; phần 2 gồm 3 chiếc sàng có kích cỡ mắt sàng của mỗi chiếc khác nhau, cùng một phễu đổ vải thiều vào và ba phễu hứng sản phẩm ra; phần 3 là hệ thống chuyển động gồm một động cơ điện 1,5 KW gắn với trục chuyển động cứng có

khớp nối mềm. Nguyên tắc hoạt động của máy dựa trên nguyên tắc rung và lắc (như người sàng sảy), khi cắm động cơ điện vào 3 sàng vừa rung vừa lắc. Theo đó, một sản phẩm vải thiều đưa vào phễu đầu vào sẽ cho ra 4 loại sản phẩm: Thứ nhất quả vải to tròn đều loại 1, thứ 2 quả nhỏ hơn loại 2, thứ 3 là cỡ quả nhỏ nhất; còn phân loại ra thứ 4 là phế phẩm gồm cuống quả vải, lá vải và những quả vỡ. Anh Tình cho biết, cái khó để máy hoạt động hiệu quả là hệ thống sàng phải vừa rung vừa lắc, mắt sàng phù hợp với kích cỡ của quả vải ở địa phương và đặc biệt là những mối hàn khi

máy hoạt động phải bền, đẹp.

Sản phẩm vải thiều đưa vào máy sàng đa năng phân loại vải là quả vải đã được sấy sơ bộ. Ba sản phẩm vải thiều được phân loại ở đầu ra của máy sàng được hứng vào các bao lưới, sau đó tiếp tục đưa lên sấy khô hoàn toàn. Việc sử dụng bao lưới trong sấy vải thiều khô cũng là sáng chế quan trọng của anh Tình nhằm bảo đảm cho quá trình sấy nhanh, chất lượng cùi quả vải khô đồng đều, đỡ nhiều công đảo vải trên lò sấy cũng như công đóng sản phẩm vào bao bì, hạn chế tối ưu vải thiều bị cháy và dập vỡ ở công đoạn sấy vải khô hoàn toàn. Vì khi vải thiều đã được phân loại cho vào bao lưới đưa lên lò sấy tiếp, thợ sấy vải khi chỉ cần cầm đầu bao lưới lật ngược lại là xong là đã đảo vải xong. Thao tác này vừa nhanh, vải lại được đảo khô đều và hạn chế cơ bản tình trạng đảo quả vải còn sót lại như đảo thủ công dẫn đến cháy hoặc giãm chân vào làm vỡ vải.

Ông Bùi Văn Tiệp, chủ lò sấy vải thiều khô lớn có công suất 25 tấn vải thiều tươi/mẻ và là người đầu tiên đưa chiếc máy sàng đa năng phân loại quả vào sử dụng cho biết: Từ vụ vải năm 2005 đến nay, tôi đã sử dụng chiếc máy sàng đa năng phân loại quả vải cùng công nghệ sấy vải bằng bao lưới do anh Tình sáng tạo. Thực tế với công suất hoạt động của máy sàng đa năng phân loại quả vải làm việc trong một giờ đã bằng cả 30 nhân công lao động thủ công nhặt vải vát vả trong thời gian cả ngày. Hơn nữa việc sử dụng bươi lưới để sấy vải, số lượng quả vải sấy bị hỏng vì sấy quá lửa và dập vỡ

giảm đáng kể. Mặt khác, chất lượng quả vải sấy đẹp và đồng đều được khách hàng ưa chuộng nên khi mang vải thiều đi tiêu thụ không bị tư thương ép giá, và luôn bán được giá cao.

Từ khi lò sấy vải của ông Tiệp đưa chiếc máy này vào hoạt động hiệu quả, nhiều chủ lò sấy khác ở địa phương đã đến tìm hiểu và đặt hàng nhờ anh Tình sản xuất cho máy để áp dụng vào lò sấy của gia đình mình. Nhờ thế đến nay, anh Tình đã sản xuất được tổng cộng hơn 30 chiếc máy sàng đa năng phân loại quả vải. Qua đó, góp phần đắc lực giúp chủ lò sấy giảm chi phí sản xuất, nâng cao giá thành sản phẩm, mang lại lợi nhuận cao hơn. Mới đây, anh Nguyễn Xuân Tình đã được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang cùng đại diện Phòng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Lục Ngạn đến nghiệm thu công trình sáng tạo khoa học và đăng ký quyền sở hữu trí tuệ. Trong thời gian tới anh Tình cũng đang dự định sẽ đưa chiếc máy sàng đa năng phân loại vải cùng công nghệ sấy bằng bao lưới đi dự hội thi sáng tạo khoa học trẻ ./.

HIỆU QUẢ CỦA MÁY CẮY LÚA SPW - 48C

Phương Thảo

Công ty CP sản xuất & thương mại Việt Thành (đại lý phân phối sản phẩm của Công ty TNHH Kubota Việt Nam) phối hợp với Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Bắc Giang tổ chức trình diễn máy cấy lúa đi sau SPW - 48C tại xã Quang Tiến, huyện Tân Yên, Bắc Giang. Đây là lần đầu tiên mô hình đưa máy cấy vào sản xuất lúa vụ mùa 2012 với diện tích 4 ha tại thôn Sâu 2, xã Quang Tiến.

Buổi trình diễn nhằm giúp bà con nông dân ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất, giảm được chi phí và tăng năng suất lao động. Qua buổi trình diễn cho thấy, máy cấy lúa Kubota được thiết kế nhỏ gọn với công suất 4,3 mã lực, động cơ xăng OHV, năng suất cấy lúa gấp 20 lần so với cấy tay, hàng cấy thẳng, đều và tiết kiệm mạ.

Cấy lúa bằng máy 1 ha hết 250 khay mạ, tương đương 7 - 8 khay mạ/sào. Chi phí cho cấy máy từ 80.000 - 100.000đ/sào, giảm 80.000đ so với cấy tay. Ngoài ra, sản xuất mạ khay cũng giảm 50% chi phí so với gieo mạ thông thường, cây mạ tốt hơn đồng thời giảm nhiều diện tích gieo mạ, dễ vận chuyển... Ngoài ra, máy cấy này thích nghi với mọi địa hình, ruộng bùn lầy, ruộng bùn sâu (60 cm)... đảm bảo cấy tốt.

Có điều đặc biệt là trước đây người dân vẫn nghĩ là máy cấy thì không thể ngang hàng, thẳng lối như các bà các chị cấy tay. Nhưng trên thực tế máy cấy khá chuẩn, hàng song, hàng con rõ ràng trông rất đẹp mắt.

Ông Nguyễn Hùng Tiến, Phó GD Công ty CP Sản xuất và Thương mại Việt Thành cho biết: Máy cấy lúa Kubota chỉ cần 1 người vận hành nên giảm đáng kể chi phí nhân công, cho hiệu quả cao. Điều đặc biệt, với kích thước nhỏ gọn máy cấy có thể vận chuyển một cách nhanh chóng, an toàn từ nơi này đến nơi khác. Phương pháp cấy lúa thân thiện với cây mạ nhờ hai tay cấy lấy mạ; lượng mạ được cấy trong mỗi nhánh, khoảng cách giữa các nhánh và độ sâu cấy lúa đều có thể điều chỉnh cho phù hợp với mô hình canh tác và điều kiện ruộng đồng. Máy có khả năng cấy 1 sào lúa trong 15 phút, tương đương 1ha trong 8 tiếng.

Cũng theo ông Tiến, máy cấy có thiết kế cố định 4 hàng lúa cách nhau 30 cm hàng dọc, hàng ngang; cây cách cây từ 12 - 15 cm tùy theo giống và mật độ cấy định trước. Cấy lúa bằng máy cần sử dụng mạ gieo trên khay theo kỹ thuật sản xuất mạ khay sẽ giúp cho nông dân giảm nhiều diện tích, giống và công sản

Cán bộ kỹ thuật Công ty TNHH Kubota Việt Nam trình diễn máy cấy lúa

xuất mạ. Chiếc máy cấy mạ khay sẽ là công cụ đắc lực cho bà con nông dân trong quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, máy có giá hơi cao đối với bà con (90 triệu đồng), do đó các hộ dân cần liên kết góp vốn mua để sử dụng.

Tại buổi trình diễn, ông Lê Bá Thành, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Bắc Giang nhấn mạnh, hiện ở Bắc Giang có nhiều loại máy móc, cơ giới đã được đưa vào sản xuất nông nghiệp, trong đó máy cấy mạ khay của Kubota đã tạo bước đột phá mới trong quá trình gieo cấy, giảm chi phí sức lao động cho nông dân, cần được nhân rộng mô hình này. Về lâu dài, Trung tâm

sẽ đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, UBND tỉnh đưa máy cấy cùng với máy gặt đập liên hợp với chương trình hỗ trợ cơ giới hóa. Theo đó người nông dân mua máy đảm bảo được các tiêu chí của sở, ngành quy định sẽ được tỉnh hỗ trợ cho một khoản tiền nhất định. Số tiền còn lại Công ty bán máy sẽ cho nông dân mua trả chậm.

Được biết không chỉ Bắc Giang mà các tỉnh khác như: Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Thanh Hóa... cũng đang tích cực triển khai chương trình này với hy vọng sẽ tạo ra cú hích lớn cho chương trình cơ giới hóa nông nghiệp, nông thôn./.

LÀM GIÀU TỪ NGHỀ MỘC

Khánh Huyền

Vượt khó làm giàu ngày hôm nay, chúng tôi sẽ giới thiệu tới các bạn một thanh niên với niềm đam mê nghề mộc, anh đã gắn bó với nghề, mở xưởng sản xuất tại quê hương, trở thành hộ làm kinh tế giỏi tại xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa.

Trên con đường bê tông hóa sạch sẽ, chúng tôi về thăm thôn Trung Đồng, xã Đức Thắng huyện Hiệp Hòa. Mới đến đầu thôn, nhóm phóng viên chúng tôi đã nhìn thấy tấm bảng hiệu ghi rõ dòng chữ: “Cơ sở đồ gỗ mỹ nghệ Toàn Thịnh”. Theo các cán bộ huyện đoàn Hiệp Hòa cho biết, chủ nhân của cơ sở này là một thanh niên rất năng động, anh là một trong những điển hình thanh niên phát triển kinh tế giỏi của huyện Hiệp Hòa trong năm vừa qua.

Hơn 8 giờ sáng, nhóm phóng viên chúng tôi đã mục sở thị cơ sở sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ của anh Nguyễn Văn Toàn. Hơn chục công nhân đang làm việc hăng say. Tiếng máy cưa, máy xẻ xen lẫn với những tiếng đục đẽo nghe thật vui tai. Anh Toàn năm nay 33 tuổi nhưng dáng dấp trông vẫn còn trẻ trung hơn so với cái tuổi của mình. Anh trước kia cũng là một thợ mộc, năm nay anh 33 tuổi, thế nhưng anh phải mất hàng chục năm đi khắp nơi làm thuê làm mướn trước khi trở thành ông chủ

cơ sở sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ này. Xuất thân từ một gia đình có truyền thống làm nghề mộc, từ nhỏ anh Toàn đã đam mê và tỏ ra có năng khiếu về nghề mộc. Tuy nhiên, ban đầu khi mới học nghề, anh muốn đi thật nhiều nơi để học hỏi kinh nghiệm nên đã đi làm thuê cho rất nhiều cơ sở sản xuất đồ gỗ nổi tiếng trong và ngoài tỉnh. Đến năm 2007, có chút vốn liếng anh quyết định trở về quê hương mở xưởng sản xuất cho riêng mình. Bắt đầu lập nghiệp với 30 triệu đồng tiền vốn, cộng với 15 triệu tiền vay ngân hàng, cùng với sự hỗ trợ của anh em họ hàng, xưởng sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ Toàn Thịnh ra đời. Thế nhưng, việc mở xưởng sản xuất độc lập ban đầu không dễ dàng như anh tưởng tượng. Đầu tiên là việc thiếu thợ lành nghề. Sau khi chưng dụng nhiều nơi không được, anh Toàn quyết định nhận nhiều anh em thanh niên trong xã vào làm việc và bắt đầu đào tạo nghề. Không giống như những nghề khác chỉ học trong thời gian ngắn là có thể thành thạo, đối với nghề mộc đòi hỏi người học phải có tính kiên trì cao, trung bình phải mất ít nhất từ 1 - 2 năm mới có thể thành nghề. Và mất thêm 1 - 2 năm nữa mới có thể thành thợ chính. Khó khăn là vậy, nhưng anh Toàn vẫn kiên trì đào tạo thêm nhiều nhân công mới để đáp ứng cho công việc.

Sau hơn 2 năm việc nhân công đã không còn là khó khăn nữa, thì anh lại gặp phải một khó khăn khác. Cơ sở sản xuất của anh chuyên sản xuất bàn ghế, đồ nội thất gia đình, nhưng do mới mở nên chưa ký kết được hợp đồng tiêu thụ nào, mà chủ yếu tiêu thụ ở các thị trường tự do, giá cả bấp bênh. Vì thế, anh đã phải chạy đôn, chạy đáo tìm cách tiêu thụ sản phẩm.

Đã có đầu ra cho sản phẩm, công việc làm ăn lúc này của xưởng đã thuận lợi hơn. Anh Toàn tập trung tìm cách nâng cao chất lượng sản phẩm để đảm bảo uy tín. Toàn bộ sản phẩm gỗ dành cho gia công đều được anh nhập từ Lào và Campuchia với các loại gỗ tốt như: Gỗ Hương, gỗ Lim... Trong quá trình sản xuất, anh luôn chỉ đạo kịp thời, chỉ bảo tận tình cho anh em thợ, với những chi tiết khó anh trực tiếp làm. Nhờ vậy mà, sản phẩm của anh luôn được khách hàng ưa chuộng. Tuy nhiên, việc chưa có được hợp đồng nào chính thức mà vẫn phải nhờ người khác tiêu thụ cho vẫn khiến anh Toàn suy nghĩ. Muốn làm được điều này, thì sản phẩm của anh phải có chất lượng hơn nữa, và một điều quan trọng đó là phải hướng đến những sản phẩm thủ công, mang tính nghệ thuật cao. Có nghĩa là bên cạnh những thao tác bằng máy, thì các hoa văn đều phải được làm bằng tay, người thợ như phải thổi hồn nghệ thuật vào các tác phẩm đồ gỗ của mình. Việc này sẽ mất rất nhiều thời gian so với làm bằng máy, tuy nhiên khi bán những sản phẩm thủ công này giá cả thường cao hơn rất nhiều. Từ những suy nghĩ trên, anh Toàn quyết định chuyển sang đầu tư và đào tạo anh em làm đồ gỗ

mỹ nghệ cao cấp.

Sản phẩm chủ yếu anh Toàn đầu tư vào sản xuất bàn ghế mỹ nghệ cao cấp. Bên cạnh các thao tác máy thô sơ, còn lại các hoa văn anh giao cho các thợ chính nhiều năm trong nghề đảm nhiệm. Chẳng mấy chốc những sản phẩm mang tính nghệ thuật đầu tiên của anh ra đời. Anh Toàn một lần nữa phải đi tìm đầu mối tiêu thụ cho các sản phẩm này. Qua những người quen biết, anh đã đặt hàng được đi xuất khẩu sang Trung Quốc. Hiện nay trung bình mỗi năm cơ sở sản xuất của anh làm được khoảng 150 bộ bàn ghế, trung bình mỗi bộ này có giá từ 70 - 80 triệu đồng/bộ. Doanh thu trên 1 tỷ đồng, trừ chi phí anh cũng có khoảng 4 - 5 trăm triệu đồng tiền lãi. Giờ đây, sau 6 năm hoạt động, sau những khó khăn cơ sở sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ Toàn Thịnh của anh Toàn đã hoạt động và có đầu ra ổn định, tạo công ăn việc làm cho hơn chục lao động trong xã với mức lương từ 3 - 6 triệu/người, tùy từng nhóm thợ.

Cùng giúp anh Toàn phát triển cơ sở chính là người vợ đảm đang của anh, chị Nguyễn Thị Hạ. Từ ban đầu khi chưa biết gì về nghề mộc, đến nay chị đã làm quen với nghề, giúp chồng quản lý thợ, thậm chí chị còn tham gia vào một số công đoạn trong quá trình sản xuất bàn ghế mỹ nghệ. Mô hình làm kinh tế của gia đình anh chị đã được các cấp bộ Đoàn đánh giá cao, và trở thành một trong những mô hình thanh niên phát triển kinh tế tiêu biểu của

(Xem tiếp trang 23)

LÀM GIÀU TỪ NUÔI RẮN HỔ MANG

Phương Nhung

Xuất thân từ nghề buôn bán động vật hoang dã, anh Nguyễn Cao Cường (sinh năm 1960) ở thôn Tăng Sơn, xã Hòa Sơn (Hiệp Hòa) đã làm quen và gắn bó với nghề nuôi rắn hổ mang từ 7 năm nay với quy mô lớn, cho thu nhập hàng trăm triệu đồng.

Trước kia, anh Cường thường ngược xuôi thu mua và bán các loại động vật hoang dã, trong một lần lên Vĩnh Phúc thấy nhiều hộ gia đình nuôi rắn hiệu quả, cho thu nhập cao nên anh đã tìm tòi nghiên cứu và mạnh dạn đầu tư cải tạo diện tích hơn 100 m² đất của gia đình làm trang trại nuôi rắn hổ mang. Anh chia các ô nhỏ nuôi từng con, có nắp đậy chắc chắn, có lỗ thông hơi đảm bảo cho chuồng nuôi rắn thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông. Ban đầu, để thử nghiệm anh chỉ mua 25 - 30 con rắn giống về nuôi, sau đó anh mua thêm và tự nhân giống nên hiện nay trang trại lúc nào cũng có khoảng gần 600 con rắn hổ mang, gồm cả rắn giống và rắn thịt. Anh Cường cho biết: “Rắn hổ mang là một loại rắn rất hung dữ và độc nên nếu không hiểu đặc tính của chúng thì ngay cả người nuôi cũng có thể bị cắn, nguy hại đến tính mạng. Vì thế tôi

vừa nuôi vừa tìm hiểu để nắm bắt đặc tính của chúng, đảm bảo khâu an toàn, đồng thời nuôi hiệu quả. Rắn hay mắc các bệnh tim, gan, phổi, bệnh ngoài da nên cần phải có kỹ thuật trong phòng bệnh, chữa bệnh cho rắn. Việc chọn thức ăn cho rắn cũng đòi hỏi thật kỹ lưỡng, phải là chuột, cóc nhái sống nhưng món ăn yêu thích của rắn hổ mang vẫn là cóc. Theo tôi, yếu tố quan trọng trong nuôi rắn là phải đảm bảo độ ẩm phù hợp cho rắn sống và sinh sản tốt”.

Để có thức ăn thường xuyên cho rắn, anh thu mua của những người chuyên đi bắt cóc với giá từ 50 - 80 nghìn đồng/kg. Rắn hổ mang thương phẩm là đặc sản, có giá trị dinh dưỡng cao, dùng để chế biến món ăn, ngâm rượu bồi bổ sức khỏe nên thị trường tiêu thụ rất thuận lợi. Nhiều thương lái đến đặt mua tại gia đình và rắn hổ mang do anh Cường nuôi đã xuất hiện khắp các tỉnh thành phía Bắc và xuất khẩu sang cả Trung Quốc. Hiện nay, anh Cường có khoảng vài chục con rắn sinh sản nhưng anh chỉ cho ấp để lấy giống nuôi, còn lại anh bán trứng. Mỗi con rắn đẻ từ 10 đến 30 quả trứng một lần trong một năm, cũng cho anh thu vài chục triệu đồng/năm. Rắn thịt trọng lượng từ

Rắn hổ mang đã đem lại hiệu quả kinh tế cao cho gia đình anh Cường

2 - 2,5 kg có giá dao động 1 – 1,2 triệu đồng/kg tính trung bình mỗi năm anh thu lãi từ 200 - 300 triệu đồng. Ngoài nuôi rắn, anh Cường còn nuôi thêm hơn 30 con kỳ đà để tận dụng nguồn thức ăn dư thừa từ nuôi rắn. Với giá từ 400 - 500 nghìn đồng/kg, kỳ đà cũng đem lại nguồn thu nhập hàng chục triệu đồng mỗi năm cho gia đình anh.

Theo anh Cường, nuôi rắn cho thu nhập cao nhưng là một nghề tiềm ẩn rủi ro. Bởi người nuôi rắn dù có kinh nghiệm đến đâu cũng có thể gặp “tai nạn” vì rắn cắn, nhất là với loại rắn hổ mang, bản thân anh cũng từng bị rắn cắn. Do vậy, để giảm

bớt rủi ro, người nuôi cần trang bị đầy đủ những kiến thức khoa học kỹ thuật, xây dựng chuồng trại chắc chắn, có biện pháp giữ gìn vệ sinh, phòng bệnh cho rắn khi thời tiết thay đổi.

Không chỉ biết làm giàu cho bản thân, anh Cường còn giúp đỡ, hướng dẫn kinh nghiệm nuôi rắn, xây dựng chuồng trại cho nhiều người trong huyện thành công. Mạnh dạn, dám nghĩ dám làm đã giúp anh Nguyễn Cao Cường đứng vững và làm giàu từ nghề nuôi rắn hổ mang./.

LÀM GIÀU TỪ MÔ HÌNH KINH TẾ TỔNG HỢP

Đến thôn Ngõ Đá, xã Việt Ngọc, Tân Yên (Bắc Giang), hỏi thăm ông Nguyễn Huy Liệu, Chủ tịch Hội Nông dân xã không ai không biết bởi ông không chỉ là một nông dân có tinh thần tự lực, tự cường, năng động, dám nghĩ, dám làm, sáng tạo mạnh dạn đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chủ động xây dựng phương thức sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường mà ở bất cứ cương vị nào ông Liệu cũng đều hết lòng vì công việc, luôn luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Qua tìm hiểu được biết, trước kia kinh tế gia đình ông gặp nhiều khó khăn do đất sản xuất ít, diện tích đất vườn nhỏ hẹp. Nhưng với ý chí vươn lên và luôn tìm kiếm các mô hình mới có giá trị, cho thu nhập cao, ông đã tích cực tham gia các chuyến đi thăm quan, học hỏi kinh nghiệm ở nhiều nơi có các mô hình điểm về phát triển kinh tế hộ trong và ngoài tỉnh như: Hà Tây, Hưng Yên, Hải Dương, Lạng Giang, Lục Ngạn, Yên Dũng, Hiệp Hòa, thành phố Bắc Giang... do Hội Nông dân huyện tổ chức để về đầu tư áp dụng vào phát triển kinh tế gia đình.

Sau những chuyến thăm quan, ông đã vận động gia đình dồn điền đổi ruộng, chuyển dịch cơ cấu sản xuất từ cấy lúa

sang nuôi trồng thủy sản và xây dựng mô hình trang trại kinh tế tổng hợp. Cùng với việc thả cá, nuôi lợn, nuôi bò, ngựa, nuôi gà đẻ trứng và chim bồ câu thịt, ông bắt tay vào trồng các loại cây rau màu và cây ăn quả với diện tích 1.000 m² để phục vụ sinh hoạt cho gia đình và những người dân địa phương.

Ông Liệu cho biết: “Ngay từ khi xây dựng mô hình trang trại, cần phải tính toán thật kỹ việc lựa chọn giống vật nuôi, không chỉ phù hợp với điều kiện của gia đình mà còn phải tìm hiểu thị trường đầu ra và phải được giá. Việc chọn giống cũng cần phải có sự lựa chọn kỹ lưỡng, nhờ đó sản phẩm thịt các loại và trứng tiêu thụ mới được dễ dàng”.

Ngoài ra, ông cũng rất chú trọng đến công tác vệ sinh phòng dịch, chuồng trại thường xuyên được phun thuốc khử trùng, sạch sẽ thoáng mát, gia súc, gia cầm cũng được tiêm phòng đầy đủ, khi thấy gia súc có biểu hiện kém ăn, ông chủ động tiêm thuốc kháng sinh tổng hợp cộng với thuốc hạ sốt, thuốc trợ lực hàng ngày theo hướng dẫn. Ông đặc biệt quan tâm đến chế độ dinh dưỡng và nguồn nước sạch. Vì nguồn nước sạch rất quan trọng đối với việc phòng bệnh cho trang trại tổng hợp. Nhìn đàn gia súc, gia cầm khỏe mạnh, ông Liệu chia sẻ: “Tôi phòng bệnh cho vật nuôi chủ

NÔNG DÂN LÀM GIÀU

yếu là cách ly với nguồn nước bên ngoài, vì bảo vệ nguồn nước sạch cho vật nuôi vừa không tốn kém về chi phí vừa đem lại hiệu quả kinh tế cao”.

Chính vì thế mà trong thời gian qua, khác với các hộ sản xuất theo mô hình trang trại đang gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ sự suy thoái của nền kinh tế, dịch bệnh, thiên tai luôn đe dọa đến vật nuôi họ đều thu hẹp quy mô sản xuất, song gia đình ông vẫn rất bình tĩnh, không bán tháo như nhiều hộ mà gia đình ông còn tiếp tục đầu tư chăn nuôi, ổn định sản xuất. Trang trại của gia đình ông vẫn luôn được duy trì và cho thu nhập cao.

Với 5.000 m² diện tích ao, ông tập trung thả các giống cá chim, trắm đen, rô phi,... tận dụng diện tích bề mặt ngoài của ao, gia đình ông trồng rau làm thức ăn cho lợn, cộng thêm 1.000 m² đất canh tác trồng cây kết hợp, cung cấp nguồn thức ăn tại chỗ cho trang trại của gia đình. Từ mô hình trang trại tổng hợp này, mỗi năm gia đình ông thu được trên 1 tỷ đồng, trừ chi phí lãi gần 300 triệu đồng/năm, nhờ đó đời sống của gia đình ông ngày càng được cải thiện.

Không chỉ là tấm gương sáng trong phong trào sản xuất kinh doanh giỏi, với cương vị là Chủ tịch Hội Nông dân xã, ông đã cùng với cán bộ, hội viên nông dân tích cực tuyên truyền, vận động các hội viên tham gia thực hiện có hiệu quả các hoạt động hội và phong trào nông dân. Bản thân ông luôn tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất và ông cũng đặc biệt coi trọng việc xây dựng các mô hình mới có giá trị kinh tế cao để làm thí điểm cho bà con nông dân học tập và làm theo. Từ sự thành công của mô hình chăn nuôi trang trại tổng hợp nuôi lợn, bò, ngựa, gà đẻ trứng và chim bồ câu ông đang tiếp tục đầu tư mở rộng vào mô hình chăn nuôi thỏ, lợn siêu lạc, bước đầu cho hiệu quả kinh tế cao.

Bảo Anh

LÀM GIÀU TỪ NGHỀ MỘC... (Tiếp trang 19)

...huyện Hiệp Hòa trong năm 2012. Thành công trong việc sản xuất bàn ghế mỹ nghệ thủ công, hiện tại 2 vợ chồng trẻ này không chỉ chú ý làm ra nhiều sản phẩm, mà còn quan tâm, chăm lo đến việc đào tạo nghề mộc cho các thanh, thiếu niên trong và ngoài xã. Với mong muốn cho nhiều thanh niên có được nghề trong tay để ổn định cuộc sống. Tấm gương làm giàu ngay trên mảnh đất quê hương của vợ chồng anh sẽ là một trong những điều đáng để các thanh niên suy ngẫm trên con đường tạo lập cuộc sống./.

Khánh Huyền

NHỮNG “ĐỊA CHỈ ĐỎ” DU LỊCH VỀ NGUỒN TRÊN ĐẤT BẮC GIANG

Thùy Dương

Từ trong tâm khảm mỗi người dân Bắc Giang, nhớ tới Bắc – nhớ những kỷ niệm về Bắc trong những lần Người về thăm quê hương Bắc Giang. Có thể nói, đó là những địa chỉ đỏ trong tour du lịch về nguồn trên vùng quê giàu truyền thống yêu nước và cách mạng.

Đó là ngày 17 tháng 11 năm 1946. Đất nước bước vào năm độc lập đầu tiên. Quê hương đang phấn đấu củng cố và xây dựng với những nhiệm vụ lớn: Chống giặc đói, diệt giặc dốt. Trước tình hình thực dân Pháp tiếp tục lấn le chiếm nước ta một lần nữa, mặc dù bận trăm công nghìn việc, Bác Hồ vẫn dành cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Giang tình cảm đặc biệt. Đó là lần đầu tiên được Người về thăm và làm việc tại tỉnh. Chỉ trong thời gian chưa đầy 4 tiếng đồng hồ, từ 11 giờ đến 14 giờ 30 ngày 17 tháng 11 tại Bắc Giang, Người đã đi thăm Nhà thương Bắc Giang; Trường cán bộ Chu Văn Tấn; Trường trung học Hoàng Hoa Thám và Ủy ban hành chính tỉnh; Người nói chuyện với các linh mục Mayo và Actôra; tiếp các đại biểu Hoa kiều...

Tháng 12 năm 1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Rồi chín năm kháng

chiến trường kỳ. Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954) hòa bình được lập lại ở miền Bắc. Công cuộc kiến thiết, hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cuối năm 1954, tỉnh ta được Bác Hồ về thăm và dự Hội nghị Tổng kết cải cách ruộng đất đợt II của Đoàn ủy Bắc Giang – Thái Nguyên được tổ chức tại xã Xuân Cẩm (huyện Hiệp Hòa). Người đi thăm các hộ nông dân thôn Cẩm Xuyên được chia quả thực, thăm và làm việc với Đoàn ủy Đoàn cải cách đóng tại đình Cẩm Xuyên, xã Xuân Cẩm. Người nêu những thành tích đã đạt được và chỉ rõ những khuyết điểm cần khắc phục trong những đợt tiếp theo.

Đúng ngày mồng một Tết Ất Mùi (tức 24 tháng 1 năm 1955), Bác Hồ đã về thăm, chúc Tết cán bộ công nhân Việt Nam và các chuyên gia nước bạn Trung Quốc đang giúp ta xây dựng cầu Phủ Lạng Thương. Người đi thăm cầu, hỏi han tình hình ăn Tết, tổ chức đời sống sinh hoạt của anh em công nhân. Người biểu dương thành tích của cán bộ và công nhân ta, của chuyên gia nước bạn.

Miền Bắc đang bước vào thực hiện kế hoạch năm năm lần thứ nhất (1961-1965). Trong không khí náo nức xây dựng

phát triển kinh tế - xã hội ở khắp nơi, ngày 6 tháng 4 năm 1961, Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta vinh dự đón Bác về thăm và nói chuyện với hơn 3,5 vạn cán bộ và nhân dân. Đứng trên khán đài A sân vận động thị xã Bắc Giang Bác đã ân cần hỏi thăm cán bộ, chiến sĩ, đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Bác khen ngợi những thành tích trong những năm kháng chiến chống Pháp, những tiến bộ của nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Giang. Người nhấn mạnh những nhiệm vụ quan trọng, chỉ ra những khuyết điểm cụ thể của tỉnh cần phải sửa, nhắc nhở nhiệm vụ của các đoàn thể, của mọi người lúc này là phải tập trung phát triển sản xuất, đấu tranh thống nhất nước nhà. Bác đã về thăm Hợp tác xã nông nghiệp Tân An (huyện Yên Dũng), để trực tiếp kiểm tra xem xét phong trào Hợp tác xã, thăm đời sống bà con xã viên.

Hơn hai năm sau, ngày 17 tháng 10 năm 1963, Bác về thăm tỉnh Hà Bắc mới hợp nhất và dự Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa I. Tại Sân vận động thị xã Bắc Giang, Bác đã nói chuyện với cán bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Bác ân cần hỏi thăm và căn dặn đồng bào cán bộ và chiến sĩ trong tỉnh đoàn kết, phát triển sản xuất nông nghiệp, trồng cây gây rừng,

Bia lưu niệm Bác Hồ tại thôn Cẩm Xuyên, Hiệp Hòa

cải tiến quản lý hợp tác xã, thực hành tiết kiệm.

Như vậy, từ năm 1946 đến năm 1963, tỉnh Bắc Giang chúng ta đã có vinh dự được 5 lần đón Bác về thăm. Cho đến nay đã gần nửa thế kỷ, kể từ ngày Bác Hồ về thăm tỉnh ta lần cuối (1963 – 2012) quê hương Bắc Giang thân yêu đã có bao nhiêu biến đổi, cùng cả nước bảo vệ vững chắc nền Độc lập – Tự do của Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhớ lời căn dặn của Bác với cán bộ và nhân dân tỉnh ta “chống mọi thứ giặc lạc hậu và giặc nghèo nàn” để quê hương và con người “ngày càng tiến bộ lên, ngày càng giàu có”, để tỉnh ta trở thành một tỉnh giàu mạnh. Cùng cả nước phấn đấu vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”./.

PHÒNG BỆNH CHO CÁ TRONG GIAI ĐOẠN GIAO MÙA

Các yếu tố ảnh hưởng:

- Môi trường nước thay đổi: Nhiệt độ nước thay đổi đột ngột vào tháng 11 đến tháng 2 có thể xuống thấp đến 19 - 23°C và tăng cao vào tháng 4 đến tháng 6, có thể lên đến 30 - 35° C. Điều đó làm cho cá bị sốc, stress, bỏ ăn, suy yếu... tạo điều kiện cho vi sinh vật gây bệnh phát triển, làm cho cá dễ bệnh. Chất lượng nước trong ao nuôi kém chất lượng, nguồn nước cấp bị ô nhiễm cũng là nguyên nhân làm cho cá bệnh.

- Thức ăn kém chất lượng: Chất lượng thức ăn kém, không đủ dinh dưỡng sẽ tạo môi trường thuận lợi cho các tác nhân gây bệnh phát triển và làm ô nhiễm môi trường ao nuôi.

- Chăm sóc kém: Các dụng cụ cho ăn không được vệ sinh thường xuyên là nơi ẩn chứa mầm bệnh. Các dụng cụ vận chuyển, bắt cá như lưới vớt, thùng... có thể làm xây sát cá trong quá trình thao tác và vì thế mầm bệnh có điều kiện xâm nhập vào cá nuôi.

- Chất lượng con giống không tốt: Cá có thể đã mắc bệnh từ nguồn giống thả nuôi do chưa được kiểm tra chất lượng, mang sẵn mầm bệnh mà chưa được xử lý

diệt trùng, khi cá thả xuống nuôi một thời gian gặp thời tiết thay đổi làm cho mầm bệnh phát triển.

Phòng bệnh cho cá:

- Vệ sinh ao sau thu hoạch và trước khi thả nuôi mới: Dọn sạch cỏ; vét bùn đáy ao; lấp hết các lỗ mọi, hang hốc xung quanh bờ ao; bón zeofish để tiêu diệt mầm bệnh, ổn định pH và diệt tạp.

- Chất lượng con giống: Chọn giống tốt, không mang mầm bệnh, đồng đều về trọng lượng, màu sắc sáng đẹp, bơi lội nhanh nhẹn, phản ứng nhanh, không bị dị hình, trầy xước, nên mua giống ở những cơ sở giống có uy tín... Trước khi thả giống nên tắm cá giống qua nước muối 2 - 3% trong 5 - 10 phút và phải theo dõi cá trong quá trình tắm. Trong quá trình vận chuyển cá giống nên pha Anti-Shock liều 2,5g/1lít nước vào nước vận chuyển cá.

- Mật độ nuôi thích hợp: Nên thả giống với mật độ thích hợp 25 - 30 con/m². Thả cá đúng mật độ để cá lớn nhanh, đồng đều, ít bệnh, rút ngắn được thời gian nuôi, đạt cỡ thương phẩm lớn bán được giá cao, không phải tốn tiền nhiều để mua con giống và thức ăn nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao.

PHỔ BIẾN KIẾN THỨC

- Chăm sóc và nuôi dưỡng đúng kỹ thuật: Khi cho cá ăn nên để ý đến các yếu tố: Định lượng (cho ăn lượng vừa đủ, tránh để thừa thức ăn), định chất (thức ăn phải bảo đảm chất lượng, đáp ứng đủ nhu cầu dinh dưỡng của cá), định vị (cho ăn ở nhiều nơi khác nhau, để tất cả cá được ăn thức ăn, tránh xây xát, va đập lẫn nhau), định thời gian (cho ăn theo thời gian nhất định, có thể cho ăn nhiều lần trong ngày nhưng phải có mốc thời gian cho ăn cụ thể) để đảm bảo cho cá khỏe mạnh, hạn chế nhiễm bệnh.

- Chất lượng nước ao nuôi: Ao phải thông thoáng, độ sâu ao nuôi cá thịt 1,2 – 2 m, độ sâu ao ương cá giống: 0,5 – 1,2 m, pH ổn định từ 6,5 – 8,5 tức là nước ao nuôi cá có màu xanh vỏ đậu hoặc xanh lá chuối non là tốt, hàm lượng oxy hòa tan 3 - 8mg/l, nhiệt độ nước: 28 - 30°C. Có hệ thống thay nước, gần sông lớn để có thể thay nước dễ dàng, có nguồn nước sạch. Nên xử lý nước định kỳ bằng zeofish liều 4 - 6 kg/m³ nước, mỗi tháng 1 lần; sát trùng nguồn nước bằng Sundine 57 với liều 1lít /3.000 m³ nước, 2 - 4 tuần 1 lần.

- Xử lý môi trường lúc giao mùa: Vào mùa mưa, nhất là giai đoạn chuyển mùa nắng sang mưa, ao rất dễ bị xì phèn làm pH nước ao giảm thấp; pH thay đổi đột ngột làm cá bị sốc, giảm sức đề kháng và mầm bệnh dễ dàng có cơ hội xâm nhập vào cơ thể cá. Nên phòng bằng cách: Định kỳ 2 tuần/lần rải vôi xung quanh bờ ao hoặc đào rãnh xung quanh bờ ao rồi rải vôi vào rãnh để ngăn nước mưa mang phèn và chất dơ bẩn từ trên bờ ao xuống.

Đồng thời sử dụng zeofish liều 6 kg/100 m³ nước, có tác dụng ổn định pH nước và phòng bệnh cho cá.

Trong suốt quá trình nuôi nên phòng bệnh cho cá là tốt nhất, vì khi cá bị bệnh việc điều trị rất khó khăn, tốn kém và hiệu quả không cao. Vì vậy người nuôi cần phải thực hiện tốt quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc cho cá. Đặc biệt cần bảo vệ sức khỏe của đàn cá và tăng sức đề kháng cho chúng. Nên trộn Cetafish liều 100g/20 kg thức ăn cho cá ăn thường xuyên; xử lý môi trường nước định kỳ 1 - 2 lần trên tháng bằng zeofish 6kg/m³ nước, Sundine 57 liều 1lít/3.000 m³ nước. Cần phòng bệnh ngoại ký sinh trùng (trùng quả dưa, trùng mỏ neo, nấm thủy mi, rận cá) bằng seaweed 2 tuần 1 lần với liều 1lít /1.000 m³ nước.

Quang Vinh

KỸ THUẬT CHĂM SÓC VẢI THIÊU SAU THU HOẠCH

Chăm sóc cây vải thiêu thời kỳ sau vụ thu hoạch là biện pháp khoa học kỹ thuật quan trọng, giúp cho cây vải sinh trưởng phát triển tốt, quyết định đến năng suất, chất lượng quả ở vụ năm sau. Để giúp bà con nông dân nắm chắc quy trình kỹ thuật chăm sóc này, chúng tôi đã trao đổi với Thạc sỹ Lâm Nguyên Năng, cán bộ Trạm Khuyến nông Lục Ngạn (Bắc Giang). Dưới đây là các bước chăm sóc cho cây vải.

Bước 1: Tỉa cành, tạo tán cho cây vải

Cây vải thiêu sau khi thu hoạch quả xong, cành lá thường lùm chồm. Bà con cần dùng kéo cắt cành hoặc dao phát để tỉa những cành tăm, cành vượt tán, cành bị ốm (không có điều kiện cho quả) và tùy từng độ cao của cây vải ta có thể hạ thấp những cành trên ngọn xuống để tiện cho quá trình chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh và thu hoạch quả sau này. Biện pháp tỉa cành cần thực hiện ngay sau khi thu hoạch quả để tạo tán cho cây vải theo hình mâm xôi hoặc hình chiếc bánh dầy, nhằm chuẩn bị đón đợt lộc đầu tiên. Theo nghiên cứu, đây là hai hình tán cây vải cho năng suất, chất lượng quả tốt nhất, đồng thời cũng tiện cho quá trình chăm sóc thu hoạch quả ở vụ sau. Yêu cầu cây vải sau khi được tỉa

xong, bảo đảm độ thoáng giữa các cành, nhằm hạn chế sâu bệnh phát triển.

Cùng với biện pháp tỉa cành, bà con nông dân cần thực hiện ngay việc rón rác dưới gốc vải thiêu. Dùng chổi hoặc cào để rón sạch những cành lá vải rụng dưới gốc, đem thu gom vào một góc vườn rồi đốt đi nhằm hạn chế mầm sâu bệnh phát triển. Đối với những vườn vải thiêu ở dưới thấp, bà con cần tạo lại các rãnh thoát nước trong vườn vải, bảo đảm cho nước dốc, tránh tình trạng cho cây vải bị chết rụt.

Bước 2: Bón phân cho cây vải

Cây vải thiêu sau khi cho thu hoạch quả đã mất đi một lượng dinh dưỡng khá cao tập trung vào nuôi quả vải. Bởi vậy sau khi thực hiện việc tỉa cành tạo tán xong, chúng ta cần bón phân cho cây để bù đắp lượng dinh dưỡng đó, bảo đảm cho cây vải có điều kiện sinh trưởng và phát triển tốt nhất (phát sinh được ba đợt lộc tính từ khi thu hoạch quả đến lúc ra hoa).

Kỹ thuật bón phân cho cây vải. Bà con dùng cuốc tạo rãnh vùng quanh tán cây vải. Rãnh rộng từ 15 – 20 cm, sâu khoảng 15 cm. Sau đó rắc phân vào và lấp rãnh lại, bảo đảm cho phân bón phát huy hiệu quả cao nhất. Phân bón cho cây vải thời kỳ này, dùng các loại phân NPK có

PHỔ BIẾN KIẾN THỨC

hàm lượng đạm cao hoặc phân đơn đạm – lân – kali (Hàm lượng phân đạm bón cho cây ở thời kỳ này bằng 50% tổng lượng đạm bón cho cây trong suốt quá trình chăm sóc, tương tự lượng kali bằng 13% và phân lân bằng 20%) tùy từng độ tuổi của cây vải và năng suất quả vừa thu hoạch để quyết định lượng phân bón hợp lý. Ngoài ra, bà con có thể sử dụng các loại phân chuồng đã qua xử lý bằng chế phẩm sinh học (ủ mục) để bón cho cây vải, giúp cho đất tơi xốp và cây vải phát triển bền đẹp.

Bước 3: Bảo vệ đợt lộc đầu tiên

Cây vải thiều sau khi đã được tỉa cành, tạo tán và bón phân xong, chờ một khoảng thời gian ngắn sau sẽ phát sinh đợt lộc đầu tiên. Trong khoảng thời gian cây phát sinh lộc, bà con cần thường xuyên theo dõi vườn vải nhằm sớm phát hiện các đối tượng sâu bệnh gây hại. Tùy từng đối tượng sâu bệnh gây hại, ta có thể sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật khác nhau để phòng trừ hiệu quả.

Chúc bà con nông dân chăm sóc hiệu quả cho vườn vải nhà mình để năm sau có một mùa vải bội thu./.

Văn Bằng

Nguồn Báo Bắc Giang

Gửi em, cô gái khuyến nông

Minh Thanh

Nghe em hát “Bài ca người khuyến nông”

Gợi tôi nhớ một chặng đường đã trải

Bao năm qua dòng đời mê mải

Em vẫn gắn bó với đồng ruộng quê hương

Quần ngại chi khi mưa nắng gió sương

Đôi chân em vẫn băng rừng lội suối

Đến bản xa mang cây, con, giống mới

Mang kỹ thuật nuôi trồng, mùa màng lại bội thu

Mỗi thôn làng nơi em đã đi qua

Xanh mượt đôi chè, hương cà phê toả ngát

Nương mía, đồng ngô ngân vang lời gió hát

Lúa trĩu bông, hồ lấp lánh cá tôm

Cùng sao mai thức giấc sớm hôm

Em đến mọi nẻo đường, từng thôn bản

Sẽ chia với bà con khi mùa màng bận rộn

Chung sức đồng lòng vì sự nghiệp nông thôn

“Theo tiếng gọi quê hương, khuyến nông ta lên đường”

Hành trình khuyến nông còn dài phía trước

Nào hồi em, ta cùng nhau tiến bước

Cho quê hương thêm giàu đẹp ngày mai.

KỸ THUẬT TRỒNG NGÔ BAO TỬ

Ngô bao tử là cây có giá trị cao, cả trong tiêu dùng và xuất khẩu, có chất lượng dinh dưỡng cao, có nhiều vitamin E, các chất khoáng và protein. Là loại bao tử an toàn, do thu hoạch vào giai đoạn bắp non (bao tử) - giai đoạn sinh trưởng mạnh nhất, ít bị sâu bệnh nên không phải dùng thuốc bảo vệ thực vật, phân ăn được bọ cín trong lá bị nên tồn dư chất độc do nấm không có và hàm lượng NO_3 trong sản phẩm cũng rất thấp.

Ngoài ra thân lá và lá bi khi thu hoạch còn rất xanh non là nguồn thức ăn xanh giàu dinh dưỡng cho chăn nuôi đại gia súc (nhất là bò sữa), ở nước ta đã trồng ngô bao tử ở nhiều nơi giá trị thu được gấp 2 - 4 lần trồng lúa. Ngô bao tử thích nghi rộng, có thể trồng quanh năm trên các loại đất tận dụng, 2 vụ, đất mạ... đặc biệt trồng vụ đông muộn (vụ mà ngô hạt không thể trồng được), giải quyết công ăn việc làm trong mùa nông nhàn, lại có thức ăn xanh cho chăn nuôi trong mùa đông giá rét.

1/ Thời vụ trồng

Yêu cầu về nhiệt độ của ngô bao tử là trên 18°C (từ tháng 2 - 11 dương lịch) tuy nhiên có 2 vụ thích hợp nhất:

+ Vụ xuân: Gieo tháng 2 thu hoạch tháng 4.

+ Vụ đông: Gieo tháng 9 thu hoạch

tháng 11.

Thời gian cho mỗi vụ khoảng 70 - 80 ngày.

2/ Giống: Sử dụng các giống có năng suất cao, phẩm chất tốt, có khả năng kháng sâu bệnh như Baby corn nhập nội hoặc có thể dùng các giống sau: DK 49, 9088, TSB2, Pacific 11, LVN23...

3/ Làm đất: Nên trồng ở nơi đất cao, tưới tiêu chủ động, xa nguồn nước thải, khu công nghiệp đường quốc lộ. Đất được cày bừa nhỏ tơi xốp, sạch cỏ dại lên luống rộng 70 cm, cao 15 - 20 cm.

4/ Mật độ khoảng cách: Có thể gieo hạt trực tiếp hoặc gieo trong bầu sau đó đưa ra trồng để khắc phục tính căng thẳng mùa vụ.

Ngô được trồng thành 2 hàng trên luống với khoảng cách:

- Hàng x hàng: 45 - 50 cm.

- Cây x cây: 12 - 15 cm.

- Mật độ khoảng 130.000 - 160.000 cây/ha.

5/ Phân bón

Ngô bao tử cần nguyên tố đạm hơn lân và ka li, riêng phân chuồng bón càng nhiều càng tốt, không dùng phân tươi, nên sử dụng phân hữu cơ hoai mục, lượng phân bón theo định mức sau:

PHỔ BIẾN KIẾN THỨC

- Phân chuồng 8 - 10 tấn/ha.
- Đạm 330 - 350 kg.
- Supe lân 370 - 400 kg.
- Kali 80 kg

* Cách bón: Bón lót toàn bộ phân chuồng + 100% lân + 30% đạm + 30% kali.

* Bón thúc:

- Lần 1: Sau mọc 10 - 15 ngày dùng 20% đạm + 20% kali.

- Lần 2: Sau mọc 25 - 30 ngày dùng 30% đạm + 40% kali.

- Lần 3: Sau mọc 35 - 40 ngày dùng 20% đạm + 10% kali.

Bón cách gốc 5 cm, lần 2 vun cao để chống đổ (nhất là vụ xuân hè) khi bón phân kết hợp xới xáo làm cỏ.

* Chăm sóc:

- Như ngô hạt, nếu ngô sinh trưởng kém hoặc gặp hạn có thể phun phân qua lá.

6/ Tưới nước: Dùng nước sạch, nước sông, hồ lưu thông để tưới. Không dùng nước thải công nghiệp chưa được xử lý, nước bẩn ao tù, cần giữ ẩm thường xuyên cho đến lúc thu hoạch.

7/ Rút cờ: Đây là biện pháp kỹ thuật rất quan trọng với ngô bao tử, đặc biệt đem lại hiệu quả cao, tập trung dinh dưỡng cho bắp phát triển nhanh, rút ngắn thời gian sinh trưởng, tăng trọng lượng bắp non. Thường sau khi gieo từ 45 - 50 ngày hoặc trước khi tung phấn là tiến hành rút cờ.

8/ Sâu bệnh: Ngô bao tử thu hoạch nhanh vào giai đoạn cây sinh trưởng mạnh nhất nên ít sâu bệnh phá hoại. Tuy nhiên

cũng phải chú ý một số sâu bệnh chính: Sâu xám, sâu cắn lá đục thân rệp, bệnh khô vằn, héo xanh, đốm lá. Nên áp dụng biện pháp phòng trừ tổng hợp IPM, tránh dùng thuốc độc hại. Tốt nhất nên áp dụng các biện pháp canh tác.

+ Luân canh với cây họ đậu.

+ Thu dọn tàn dư cây sau thu hoạch.

+ Chọn giống chống bệnh.

+ Có thể xử lý hạt giống trước khi gieo bằng thuốc TMD85 BTN (0,2 - 0,3 kg/tạ hạt giống).

9/ Thu hoạch: Sau trồng 40 - 75 ngày (tùy theo giống) có thể được thu hoạch, thu làm nhiều lần, mỗi ngày 1 lần (từ 7 - 12 ngày là kết thúc) khi thấy bắp ngô phun râu được 0,5 - 1,5 cm là thu hoạch được.

Trước khi thu hoạch nên kiểm tra nếu lõi dài 5 - 9 cm, đường kính lõi từ 1 - 1,5 cm là tốt nhất, nên thu vào sáng sớm. Sau khi thu phải xử lý ngay sản phẩm, tránh sây sát, ôi hỏng, nên thu cả lá bi để bảo vệ lõi tươi ngon lâu hơn./.

Huyền Trang (t/h)

CÔNG DỤNG CỦA KHOAI LANG VỎ ĐỎ RUỘT VÀNG

Trong Đông y, khoai lang có tính bình, vị ngọt, có tác dụng bồi bổ cơ thể, ích khí, cường thân, kiện vị, tiêu viêm, thanh can, lợi mật, sáng mắt.

Khoai lang có nhiều loại như ruột vàng, ruột đỏ, ruột trắng... nhưng khi ăn nên chọn khoai vỏ đỏ ruột vàng, nếu để giải cảm và chữa táo bón thì dùng khoai vỏ trắng, ruột trắng.

Củ khoai lang chứa nhiều xơ, protein, các vitamin A, C, B6, E, sắt, canxi... đứng cao nhất về giá trị dinh dưỡng so với các loại rau củ khác, trên cả khoai tây.

Vỏ khoai lang chứa nhiều vitamin và khoáng chất, giúp bảo vệ dưỡng chất bên trong, vì vậy khi luộc khoai nên để cả vỏ. Chất xơ của khoai là loại Pectin có tác dụng giúp tiêu hóa tốt, tăng thải cholesterol, chống táo bón...

Dưới đây là một số bài thuốc từ món ăn này:

Giải cảm sốt: Trời mùa đông dễ phải cảm, khiến sốt. Bạn có thể hỗ trợ thuốc bằng cách dùng khoai lang trắng đã được phơi khô, gừng, sắc uống hoặc nấu cháo.

Chữa táo bón: Ăn khoai trắng luộc đơn thuần hoặc chấm mật, chấm vừng.

Viêm tuyến vú: Phụ nữ sau sinh

thường bị viêm tuyến vú, khiến đau nhức khó cho con bú. Bạn có thể dùng củ khoai lang trắng gọt vỏ, giã nhuyễn đắp lên vú. Hoặc nếu bị thiếu sữa thì dùng lá khoai lang non xào với thịt lợn ăn trong ngày.

Vàng da sinh lý cho trẻ: Nấu cháo đặc bằng khoai với gạo hoặc bột ngô.

Trong khoai lang có chất đường, nếu ăn nhiều, nhất là khi đói sẽ gây tăng tiết dịch vị làm nóng ruột, ợ chua, sinh hơi trướng bụng. Vì vậy, không nên ăn lúc đói. Nên ăn khoai như rau, hằng ngày ăn 200 - 300g khoai tươi nấu với thịt hoặc rơm rã, vừa có thể giảm bớt lượng cơm, vừa có đủ vitamin nếu ít ăn các loại rau lá./.

Văn Bằng